|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/NQ-HĐND | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**KHÓA …….., KỲ HỌP THỨ** …………

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 2 năm 2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP* *ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;*

*Xét Tờ trình số ......./TTr-UBND ngày ..... tháng ..... năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc đề nghị ban hành Nghị quyết “Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội”; Báo cáo thẩm tra số ............/BC-BVHXH ngày ...... tháng ...... năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội tại kỳ họp.*

*Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội;

b) Quy định đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số [20/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/nghi-dinh-20-2021-nd-cp-chinh-sach-tro-giup-xa-hoi-doi-voi-doi-tuong-bao-tro-xa-hoi-467723.aspx) ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

b) Đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

c) Đối tượng đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội.

**Điều 2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội**

1. Mức chuẩn trợ giúp xã hội làm căn cứ để xác định: mức trợ cấp xã hội hằng tháng; mức hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng; mức trợ cấp nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội công lập Thành phố quản lý; các mức trợ giúp xã hội khác.

2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội là 700.000 đồng/ tháng.

3. Mức trợ cấp xã hội hằng tháng; mức hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng; mức trợ cấp nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội công lập Thành phố quản lý; các mức trợ giúp xã hội khác bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội nhân với hệ số.

**Điều 3. Đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội hằng tháng tại cộng đồng và hệ số gồm**

1. Trẻ em; người từ đủ 16 đến dưới 22 tuổi đang học văn hóa, học nghề, học tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, học cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất; các đối tượng này thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Mồ côi (hoặc không xác định được) cha hoặc mẹ và người còn lại là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng.

b) Có cha hoặc mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng và người còn lại thuộc một trong các trường hợp sau: bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

c) Có cả cha và mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng.

2. Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng (gồm: vợ, chồng, con) nhưng người này không trong độ tuổi lao động hoặc trong độ tuổi lao động nhưng không có khả năng lao động hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng.

3. Người bị mắc một trong các bệnh hiểm nghèo sau đây: ung thư, suy thận phải chạy thận nhân tạo, xơ gan giai đoạn mất bù, suy tim độ 4 hoặc bệnh hiểm nghèo khác theo quy định của cơ quan y tế và là thành viên thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; người nhiễm HIV/AIDS là thành viên thuộc hộ cận nghèo.

4. Các đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội được áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội (hệ số 1,0) và được hưởng quà tết như các đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội.

5. Trường hợp đối tượng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội thuộc diện hưởng các mức theo các hệ số khác nhau, hoặc thuộc diện được hưởng nhiều chính sách trợ cấp, hỗ trợ hằng tháng theo các quy định của Thành phố thì chỉ được hưởng một chính sách, hoặc một mức hưởng cao nhất.

**Điều 4. Đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn thành phố Hà Nội được tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng trong các cơ sở trợ giúp xã hội công lập cấp Thành phố quản lý và hệ số gồm**

1. Đối tượng, nếu có nguyện vọng, được tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng trong các cơ sở trợ giúp xã hội công lập cấp Thành phố quản lý

a) Trẻ em theo quy định tại khoản 1, Điều 3 của Nghị quyết này;

b) Trẻ em là thành viên thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo thuộc một trong các trường hợp sau: Trẻ em mồ côi (hoặc không xác định được) cha hoặc mẹ; Trẻ em có cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; Trẻ em có cha hoặc mẹ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam (hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc); Trẻ em có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

c) Người cao tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này.

d) Người khuyết tật đặc biệt nặng; Người khuyết tật nặng thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; Người cao tuổi tâm thần nặng, người cao tuổi lang thang.

đ) Người nhiễm HIV/AIDS thuộc một trong các trường hợp sau: Là thành viên thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; từ đủ 16 tuổi trở lên đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập cấp Thành phố quản lý.

e) Người lang thang vô gia cư; người lang thang chưa xác định được nơi cư trú; bệnh nhân sau khi được cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hà Nội điều trị bệnh ổn định nhưng chưa xác định được nơi cư trú hoặc chưa tìm được người thân.

g) Trẻ em cần sự bảo vệ khẩn cấp: trẻ em có nguy cơ bị bạo lực gia đình; trẻ em có nguy cơ bị xâm hại tình dục, thân thể.

2. Hệ số để xác định mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng

a) Hệ số 5,0 đối với trẻ em dưới 04 tuổi;

b) Hệ số 4,0 đối với các đối tượng từ đủ 04 tuổi trở lên.

**Điều 5. Nguồn kinh phí đảm bảo**

1. Kinh phí trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội sống tại cộng đồng do ngân sách xã, phường đảm bảo, được cân đối trong dự toán ngân sách hàng năm cho các xã, phường.

2. Kinh phí nuôi dưỡng cho các đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội đang nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Y tế Hà Nội do ngân sách Thành phố đảm bảo và được bố trí trong dự toán giao cho Sở Y tế hàng năm.

**Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Mức chuẩn trợ giúp xã hội được thực hiện từ ngày 01/01/2026.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo tổ chức thực hiện đảm bảo đúng đối tượng, đúng chính sách, đúng quy định và công khai, minh bạch, tránh các tiêu cực có thể xảy ra.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận trong nhân dân và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

5. Nghị quyết số [09/2021/NQ-HĐND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/nghi-quyet-04-2019-nq-hdnd-chinh-sach-ho-tro-ho-gia-dinh-khong-co-kha-nang-thoat-ngheo-ha-noi-419586.aspx" \o "Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐND" \t "_blank) ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của Thành phố Hà Nội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa ….., kỳ họp thứ ….. thông qua ngày … tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban thường vụ Quốc hội; - Chính phủ; - Ban công tác ĐB của UBTVQH; - VP Chính phủ, VP Quốc hội; - Các Bộ: Tài chính, Y tế, Tư Pháp; - Thường trực Thành ủy Hà Nội; - Đoàn đại biểu Quốc hội TP Hà Nội; - Thường trực: HĐND, UBND, UB MTTQ Thành phố; - VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy; - VP Đoàn ĐBQH & HĐND TP, VP UBND TP; - Các Ban HĐND TP; - Các sở, ban, ngành Thành phố; - Đại biểu HĐND Thành phố; - TT HĐND, UBND các xã, phường; - Cổng Thông tin điện tử, Công báo Thành phố; - Lưu: VT, BVHXHN. | **CHỦ TỊCH**    **Nguyễn Ngọc Tuấn** |

**PHỤ LỤC**

**Hệ số đối với các đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của Thành phố tại cộng đồng**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày /12/2025*

*của HĐND Thành phố)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI TẠI CỘNG ĐỒNG** | **Hệ số** |
| **1** | *Trẻ em; người từ đủ 16 đến dưới 22 tuổi đang học văn hóa, học nghề, học tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên, học cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất; các đối tượng này thuộc một trong các trường hợp sau:* |  |
| a) Mồ côi (hoặc không xác định được) cha hoặc mẹ và người còn lại là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng. |
| b) Có cha hoặc mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng và người còn lại thuộc một trong các trường hợp sau: bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội. |
| c) Có cả cha và mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng. |
| 1.1. Dưới 4 tuổi | 2,5 |
| 1.2. Từ 4 đến dưới 16 tuổi | 1,5 |
| 1.3. Từ đủ 16 đến dưới 22 tuổi đang đi học | 1,5 |
| **2** | Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng (gồm: vợ, chồng, con) nhưng người này không trong độ tuổi lao động hoặc trong độ tuổi lao động nhưng không có khả năng lao động hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng. |  |
| 2.1. Từ đủ 60 đến dưới 80 tuổi | 1,5 |
| 2.2. Từ đủ 80 tuổi trở lên | 2,0 |
| **3** | *Người bị mắc một trong các bệnh hiểm nghèo sau đây: ung thư, suy thận phải chạy thận nhân tạo, xơ gan giai đoạn mất bù, suy tim độ 4 hoặc bệnh hiểm nghèo khác theo quy định của cơ quan y tế và là thành viên thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; người nhiễm HIV/AIDS là thành viên thuộc hộ cân nghèo.* | 1,5 |